

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 02 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan.

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhở - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lý Tấn P., sinh ngày 05/8/1984. Địa chỉ: Số 21/2 đường B., phường M., thành phố L., tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị N. Di T., sinh ngày 30/9/1986. Địa chỉ: Số 18 T. W., W., M., Canada (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn anh Lý Tấn P. trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị N. Di T. quen biết nhau qua mạng. Sau đó, chị N. về Việt Nam, cả hai gặp gỡ, tìm hiểu, thấy hợp ý nên tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 12/01/2011. Sau khi kết hôn, chị N. ở lại Việt Nam thêm một thời gian rồi trở về Canada sinh sống. Từ đó, cả hai ít gặp nhau, chỉ trao đổi qua điện thoại và chị N. có trở về Việt Nam thăm anh 03 lần. Tuy nhiên, đến cuối năm 2013 thì chị N. ngừng liên lạc với anh và anh

cũng không biết được nguyên nhân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Lý Tấn P. xin ly hôn với chị N. Di T..

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn chị N. Di T.:* Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng quy định của Công ước tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại nhưng đến nay chị N. Di T. vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Tấn P..

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lý Tấn P. khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N. Di T. có địa chỉ cư trú tại Canada nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Lý Tấn P. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chị N. Di T., Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn anh Lý Tấn P. và bị đơn chị N. Di T. tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 12/01/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ cả hai phía. Tuy nhiên, theo như anh P. trình bày thì sau khi kết hôn, chị N. có ở lại Việt Nam với anh thêm một thời gian sau đó đã trở về Canada sinh sống và từ đó cả hai ít gặp nhau, chỉ trao đổi qua điện thoại. Mặc dù, chị N. có trở về Việt Nam thăm anh 03 lần nhưng từ cuối năm 2013 cho đến nay thì cả hai không còn liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, mục đích của hôn nhân đạt được khi cả hai cùng nhau yêu thương, giúp đỡ và cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng thực tế, anh P., chị N. đã không còn tình cảm, cả hai đã không còn sống chung với nhau từ lâu. Chị N. đã không thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về

yêu cầu ly hôn của anh P.. Do đó, anh Lý Tấn P. yêu cầu ly hôn chị N. Di T. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Anh P. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5.2] Chi phí tố tụng: Anh Lý Tấn P. đã tạm ứng chi phí tổng đạt văn bản tố tụng cho chị N. Di T. qua đường bưu chính, anh P. tự nguyện chịu chi phí này. Đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, hoàn lại cho anh P. chi phí tổng đạt, ủy thác tư pháp đã tạm ứng với số tiền là 4.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Tấn P.;

1. Anh Lý Tấn P. được ly hôn với chị N. Di T.. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 12/01/2011 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Ghi nhận việc anh Lý Tấn P. và chị N. Di T. xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh Lý Tấn P. và chị N. Di T. trong thời kỳ hôn nhân thì anh Lý Tấn P. và chị N. Di T. phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Lý Tấn P. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008441 ngày 17/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

5. Về chi phí tố tụng: Hoàn lại cho anh Lý Tấn P. số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo

các Biên lai thu tiền số 0007465 ngày 17/12/2020 và số 0007424 ngày 17/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Lý Tấn P. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị N. Di T. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng